TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01/QĐST-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 22 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn P - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình và anh Phạm Văn P, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1. Về con chung (riêng)*:** Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn P chưa có con chung; về con riêng anh chị không ai có. Do vậy nay ly hôn chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn P đều thống nhất anh chị không có tài sản chung (riêng), về công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.3. Về án phí*:** Chị Lê Thị N nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001694 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị N số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Nhật Trung